

Số: 01/CĐGD

V/v lập báo cáo quyết toán
tài chính công đoàn năm 2019

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2020

Kính gửi: Đồng chí chủ tịch công đoàn các đơn vị trực thuộc

Năm tài chính 2019 đã kết thúc, ngày **10/01/2020** là đến hạn công đoàn cơ sở (CĐCS) nộp báo cáo quyết toán Tài chính công đoàn (TCCĐ) 6 tháng cuối năm (hoặc báo cáo năm 2019). Để thuận tiện cho việc lập báo cáo quyết toán tài chính của CĐCS, Công đoàn ngành Giáo dục Hà Nội cung cấp số liệu liên quan và đề nghị các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Công đoàn Ngành có Biểu thống kê số kinh phí công đoàn (KPCĐ) đã cấp về đơn vị (2 đợt) trong năm 2019, các đơn vị lập báo cáo quyết toán 6 tháng cuối năm 2019 (hoặc báo cáo năm 2019) đối chiếu số kinh phí nhận được và ghi vào dòng 4 (phần thu của báo cáo B07-TLĐ).

2. Các đơn vị có dưới 10 đoàn viên (hoặc chưa kịp mở tài khoản tại ngân hàng Vietinbank để thực hiện nộp 2% KPCĐ và cấp trả tự động 69% KPCĐ) nộp 31% KPCĐ, 40% ĐPCĐ và số tiết kiệm chi năm 2019 đối chiếu số đã nộp về Công đoàn Ngành, sau đó điền vào dòng 4 (phần chi của báo cáo B07-TLĐ).

3. Biểu mẫu báo cáo, số lượng và địa điểm nộp báo cáo:

- Biểu mẫu: B07-TLĐ; Bảng kê chứng từ (thu, chi CĐCS).

- Số lượng nộp: 02 bộ

- Địa điểm nộp báo cáo: Văn phòng Công đoàn ngành Giáo dục Hà Nội, số 87 phố Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đồng chí liên hệ về số điện thoại 024 38 255 961 để được giải đáp.

Rất mong các đồng chí quan tâm thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thu Hà

BIỂU THỐNG KÊ CĐCS NỘP VÀ ĐƯỢC CẤP KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN NĂM 2019

(Kèm theo công văn số 01/CĐGD ngày 03 tháng 01 năm 2020)

TT	Tên cơ sở	Số KP CDN cấp 6 tháng đầu năm 2019 (Đợt 1)	Số KP CDN cấp 6 tháng cuối năm 2019 (Đợt 2)	Tổng Số KP CDN cấp năm 2019	Số KP, ĐP và số tiết kiệm chi CĐCS nộp về CDN	Đơn vị làm báo cáo quyết toán	
						6 tháng cuối năm	Cả năm 2019
	Khôi công lập						
1	THPT Ba Vì	22.124.000	28.000.000	50.124.000		x	
2	THPT Bất Bạt	15.000.000	35.970.000	50.970.000		x	
3	THPT Bắc Lương Sơn	12.960.000	11.000.000	23.960.000		x	
4	THPT Bắc Thăng Long	21.028.000	19.000.000	40.028.000		x	
5	THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	31.140.000	28.000.000	59.140.000		x	
6	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		51.154.000	51.154.000		x	
7	THPT Cầu Giấy	37.045.000	37.000.000	74.045.000		x	
8	THPT Chu Văn An	45.945.000	39.000.000	84.945.000		x	
9	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	37.376.000	50.000.000	87.376.000		x	
10	THPT chuyên Nguyễn Huệ	55.050.000	52.000.000	107.050.000		x	
11	THPT Chúc Động	42.310.000	32.000.000	74.310.000		x	
12	THPT Chương Mỹ A	42.012.000	40.000.000	82.012.000		x	
13	THPT Chương Mỹ B	37.834.000	25.000.000	62.834.000			x
14	THPT Cổ Loa		56.197.000	56.197.000		x	
15	THPT Dân tộc nội trú	28.473.000	19.500.000	47.973.000		x	
16	THPT Dương Xá		52.440.000	52.440.000		x	
17	THPT Đa Phúc	30.616.000	29.000.000	59.616.000		x	
18	THPT Đan Phượng		33.138.000	33.138.000		x	
19	THPT Đại Cồ Việt		27.732.000	27.732.000		x	
20	THPT Đại Mỗ	33.584.000	18.000.000	51.584.000		x	
21	THPT Đoàn Kết - HBT		67.600.000	67.600.000		x	
22	THPT Đông Anh		41.240.000	41.240.000		x	
23	THPT Đông Mỹ	4.274.000	7.000.000	11.274.000			x
24	THPT Đồng Quan	7.900.000	24.000.000	31.900.000		x	
25	THPT Đồng Đa	27.218.000	30.000.000	57.218.000		x	
26	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		55.078.000	55.078.000		x	
27	THPT Hoài Đức A	44.922.000	38.000.000	82.922.000		x	
28	THPT Hoài Đức B		72.918.000	72.918.000		x	
29	THPT Hoài Đức C		4.000.000	4.000.000		x	
30	THPT Hoàng Văn Thụ	16.978.000	34.000.000	50.978.000		x	
31	THPT Hoàng Cầu	9.791.000	10.000.000	19.791.000		x	
32	THPT Hồng Thái		58.020.000	58.020.000			x
33	THPT Hợp Thanh	17.382.000	20.000.000	37.382.000		x	
34	THPT Kim Anh	22.500.000	28.000.000	50.500.000			x
35	THPT Kim Liên		69.330.000	69.330.000		x	
36	THPT Lê Lợi	23.650.000	20.000.000	43.650.000			x
37	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	25.610.000	34.000.000	59.610.000		x	
38	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông	52.790.000	43.000.000	95.790.000		x	
39	THPT Liên Hà		56.427.000	56.427.000		x	
40	THPT Lưu Hoàng		35.645.000	35.645.000		x	
41	THPT Lý Thường Kiệt	28.577.000	23.000.000	51.577.000		x	
42	THPT Lý Tử Tấn	25.758.000	21.000.000	46.758.000			x
43	THPT Mê Linh	32.754.000	27.000.000	59.754.000		x	
44	THPT Minh Khai - Quốc Oai		70.920.000	70.920.000		x	

TT	Tên cơ sở	Số KP CĐN cấp 6 tháng đầu năm 2019 (Đợt 1)	Số KP CĐN cấp 6 tháng cuối năm 2019 (Đợt 2)	Tổng Số KP CĐN cấp năm 2019	Số KP, ĐP và số tiết kiệm chi CĐCS nộp về CĐN	Đơn vị làm báo cáo quyết toán	
						6 tháng cuối năm	Cả năm 2019
45	THPT Minh Phú	14.414.000	14.000.000	28.414.000		x	
46	THPT Minh Quang - Ba Vì	2.188.000	4.500.000	6.688.000		x	
47	THPT Mỹ Đức A		76.490.000	76.490.000		x	
48	THPT Mỹ Đức B	37.068.000	28.000.000	65.068.000		x	
49	THPT Mỹ Đức C		58.042.000	58.042.000			x
50	THPT Ngọc Hồi	25.632.000	26.000.000	51.632.000		x	
51	THPT Ngọc Tảo		80.410.000	80.410.000		x	
52	THPT Ngô Quyền - Ba Vì		57.514.000	57.514.000			x
53	THPT Ngô Thì Nhậm	36.260.000	25.000.000	61.260.000		x	
54	THPT Nguyễn Du	27.135.000	26.000.000	53.135.000		x	
55	THPT Nguyễn Gia Thiều	27.706.000	26.000.000	53.706.000		x	
56	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	13.747.000	32.000.000	45.747.000		x	
57	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	20.816.000	24.000.000	44.816.000		x	
58	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		44.620.000	44.620.000			x
59	THPT Nguyễn Văn Cừ	18.785.000	26.000.000	44.785.000		x	
60	THPT Nguyễn Quốc Trinh		4.000.000	4.000.000		x	
61	THPT Nhân Chính	14.980.000	24.000.000	38.980.000			x
62	THPT Phan Đình Phùng	33.485.000	39.000.000	72.485.000		x	
63	THPT Phan Huy Chú - Đống Đa	7.054.000	10.000.000	17.054.000		x	
64	THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		7.000.000	7.000.000		x	
65	THPT Phạm Hồng Thái	29.945.000	21.000.000	50.945.000		x	
66	THPT Phùng Khắc Khoan	37.936.000	31.000.000	68.936.000		x	
67	THPT Phú Xuyên A	37.000.000	29.000.000	66.000.000		x	
68	THPT Phú Xuyên B	19.780.000	31.000.000	50.780.000			x
69	THPT Phúc Thọ	29.080.000	26.000.000	55.080.000		x	
70	THPT Phúc Lợi	9.758.000	19.000.000	28.758.000		x	
71	THPT Quang Minh	17.830.000	20.000.000	37.830.000		x	
72	THPT Quang Trung - Đống Đa	24.244.000	36.000.000	60.244.000		x	
73	THPT Quang Trung - Hà Đông	25.343.000	33.000.000	58.343.000		x	
74	THPT Quảng Oai		68.082.000	68.082.000		x	
75	THPT Quốc Oai	40.294.000	37.000.000	77.294.000		x	
76	THPT Sóc Sơn	41.720.000	28.000.000	69.720.000			x
77	THPT Sơn Tây		78.030.000	78.030.000		x	
78	THPT Tân Dân	13.060.000	19.000.000	32.060.000		x	
79	THPT Tân Lập		50.960.000	50.960.000			x
80	THPT Tây Hồ	17.710.000	32.000.000	49.710.000		x	
81	THPT Thanh Oai A	23.323.000	25.000.000	48.323.000		x	
82	THPT Thanh Oai B	30.636.000	30.000.000	60.636.000			x
83	THPT Thạch Bàn	15.055.000	21.000.000	36.055.000		x	
84	THPT Thạch Thất	27.093.000	43.000.000	70.093.000		x	
85	THPT Thăng Long	30.297.000	31.000.000	61.297.000		x	
86	THPT Thường Tín	30.000.000	50.230.000	80.230.000		x	
87	THPT Thượng Cát	26.920.000	15.000.000	41.920.000			x
88	THPT Tiền Phong	21.204.000	20.000.000	41.204.000		x	
89	THPT Tiến Thịnh	18.180.000	12.000.000	30.180.000		x	
90	THPT Tô Hiệu	21.016.000	25.000.000	46.016.000		x	
91	THPT Trần Đăng Ninh	46.544.000	29.000.000	75.544.000		x	
92	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông	11.767.000	30.000.000	41.767.000			x

TT	Tên cơ sở	Số KP CĐN cấp 6 tháng đầu năm 2019 (Đợt 1)	Số KP CĐN cấp 6 tháng cuối năm 2019 (Đợt 2)	Tổng Số KP CĐN cấp năm 2019	Số KP, ĐP và số tiết kiệm chi CĐCS nộp về CĐN	Đơn vị làm báo cáo quyết toán	
						6 tháng cuối năm	Cả năm 2019
93	THPT Trần Hưng Đạo - Th.Xuân	27.820.000	29.000.000	56.820.000		x	
94	THPT Trần Nhân Tông	26.748.000	36.000.000	62.748.000		x	
95	THPT Trần Phú	46.310.000	38.000.000	84.310.000		x	
96	THCS & THPT Trần Quốc Tuấn		25.500.000	25.500.000	11.600.000	x	
97	THPT Trung Giã	20.920.000	22.000.000	42.920.000		x	
98	THPT Trung Văn	8.267.000	20.000.000	28.267.000		x	
99	THPT Trương Định	28.050.000	24.000.000	52.050.000		x	
100	THPT Tùng Thiện	24.216.000	28.000.000	52.216.000		x	
101	THPT Tự Lập	17.325.000	15.000.000	32.325.000		x	
102	THPT Ứng Hoà A	22.865.000	29.000.000	51.865.000		x	
103	THPT Ứng Hoà B		37.350.000	37.350.000		x	
104	THPT Vạn Xuân	25.705.000	23.000.000	48.705.000		x	
105	THPT Vân Cốc		47.600.000	47.600.000			x
106	THPT Vân Nội		56.592.000	56.592.000			x
107	THPT Vân Tảo	17.808.000	20.000.000	37.808.000		x	
108	THPT Việt Đức	30.626.000	30.000.000	60.626.000		x	
109	THPT Việt Nam - Ba Lan	37.595.000	32.000.000	69.595.000		x	
110	THPT Xuân Đình	25.050.000	30.000.000	55.050.000		x	
111	THPT Xuân Giang	22.000.000	21.000.000	43.000.000		x	
112	THPT Xuân Khanh	23.495.000	22.000.000	45.495.000		x	
113	THPT Xuân Mai	35.944.000	38.000.000	73.944.000			x
114	THPT Xuân Phương		8.400.000	8.400.000		x	
115	THPT Yên Hòa	23.690.000	24.000.000	47.690.000		x	
116	THPT Yên Lãng	5.000.000	35.000.000	40.000.000			x
117	THPT Yên Viên	25.106.000	26.000.000	51.106.000		x	
118	CĐ cơ quan Sở GDĐT Hà Nội	42.783.000	40.000.000	82.783.000			x
119	Trường MG Mầm Non B Hà Nội	12.660.000	14.000.000	26.660.000		x	
120	Trường MG Việt Triều Hữu Nghị	12.206.000	14.000.000	26.206.000		x	
121	Tiểu Học Bình Minh	9.700.000	7.000.000	16.700.000		x	
122	PTCS Nguyễn Đình Chiểu	25.514.000	17.000.000	42.514.000		x	
123	PTCS Xã Đàn	8.645.000	13.000.000	21.645.000		x	
124	Trường B.Dưỡng CB Giáo Dục	17.890.000	20.000.000	37.890.000		x	
125	Trung cấp Sư phạm MG - N.Trẻ	20.366.000	24.000.000	44.366.000		x	
	Khỏi ngoài công lập						
126	Trường THPT Bắc Đuống						x
127	Trường THPT Bắc Hà - Đồng Đa						x
128	Trường THPT Bình Minh				13.188.000		x
129	Trường THPT Đặng Tiến Đông						x
130	Trường THPT Đào Duy Từ			69% cấp lại	9.745.000		x
131	Trường THPT Đình Tiên Hoàng				8.760.000		x
132	Trường THPT Đoàn Thị Điểm			69% cấp lại	40.500.000		x
133	Trường THPT Đông Đô			69% cấp lại	2.786.000		x
134	THPT Green City Academy						x
135	Trường THPT Hà Đông			69% cấp lại			x
136	Trường THPT DL Hà Nội						x
137	Trường THPT HAS				6.885.360		x
138	THPT Huỳnh Thúc Kháng						x
139	Trường THPT Hoàng Mai						x

TT	Tên cơ sở	Số KP CDN cấp 6 tháng đầu năm 2019 (Đợt 1)	Số KP CDN cấp 6 tháng cuối năm 2019 (Đợt 2)	Tổng Số KP CDN cấp năm 2019	Số KP, ĐP và số tiết kiệm chi CĐCS nộp về CDN	Đơn vị làm báo cáo quyết toán	
						6 tháng cuối năm	Cả năm 2019
140	Trường THPT Hoàng Long	4.000.000		4.000.000			x
141	Trường THPT Hồng Đức				5.560.000		x
142	Trường THPT IVS						x
143	Trường THPT Lê Ngọc Hân				1.500.000		x
144	Trường THPT Lê Thánh Tông				5.012.000		x
145	Trường THPT Lê Văn Thiêm						x
146	Trường THPT Lý Thánh Tông						x
147	Trường THPT Lomonoxop				6.909.000		x
148	Trường THPT Lương Văn Can	4.000.000		4.000.000			x
149	Trường THPT Lương Thế Vinh		4.000.000	4.000.000			x
150	Trường THPT Mai Hắc Đế		4.000.000	4.000.000			x
151	Trường THCS & THPT Newton		10.693.000	69% cấp lại	11.200.000		x
152	Trường THPT Ngô Gia Tự						x
153	Trường THPT Ngô Quyền - ĐA						x
154	Trường THPT Ngô Sĩ Liên						x
155	THPT Nguyễn Bình Khiêm-CG			69% cấp lại	48.000.000	x	
156	THPT Nguyễn Bình Khiêm-PX						x
157	Trường THPT Nguyễn Huệ						x
158	THCS&THPT Nguyễn Siêu					x	
159	THPT Nguyễn Văn Huyền			69% cấp lại	5.794.325		x
160	Trường THPT Phan Chu Trinh						x
161	Trường THPT Phan Bội Châu						x
162	Trường THPT Phùng Hưng				2.368.000		x
163	Trường THPT Phương Nam						x
164	Trường THPT Tạ Quang Bửu			69% cấp lại			x
165	Trường THPT Tây Đô				1.500.000		x
166	Trường THPT Tây Sơn			69% cấp lại			x
167	Trường THPT Thanh Xuân				1.500.000		x
168	Trường THPT Trần Đại Nghĩa						x
169	Trường THPT Trần Thánh Tông						x
170	Trường THPT Trí Đức				5.000.000		x
171	Hệ thống trường TH School						x
172	Trường THPT Văn Hiến						x
173	Trường THPT Văn Lang						x
174	Trường THPT Việt Hoàng			69% cấp lại	4.800.000		x
175	Trường THPT Xa La						x
176	Trường THPT Xuân Thủy						x
177	T.tâm Anh Ngữ Gia Linh Nguyễn						x
17	Trường Q.tế đa cấp Anh - H.Nội				113.607.809		x
179	Trường Quốc tế đa cấp Anh -Việt Hoàng Gia				205.762.419		x
180	Cty CP sách và TB trường học Hà Nội			69% cấp lại	24.321.000	x	
181	Cty CP sách TB trường học Hà Tây				11.859.408		x
	TỔNG CỘNG	2.409.910.000	3.982.322.000	6.381.539.000	548.158.321		

CÔNG ĐOÀN NGÀNH GIÁO DỤC HÀ NỘI

Công đoàn:

Loại hình đơn vị:

Mẫu B07 -TLĐ

MSĐV:

BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN
6 tháng cuối năm 2019

A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:

- Số lao động tính quỹ lương đóng KPCĐ: người - Quỹ lương đóng KPCĐ: đồng
- Số đoàn viên: người - Quỹ lương đóng ĐPCĐ: đồng
- Số cán bộ CĐ chuyên trách: 0 người

B- CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN:

Đơn vị tính: Đồng

Mục	Nội dung	Mã số	Dự toán năm	Quyết toán kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
I. PHẦN THU					
1	Đoàn phí công đoàn	23			
2	Kinh phí công đoàn	22			
3	Thu khác	24		-	
	- Chuyên môn hỗ trợ	24.01			
	- Thu khác tại đơn vị	24.02			
Cộng thu				-	
4	Kinh phí cấp trên cấp	25			
5	Tích lũy tài chính đầu kỳ	26			
6	Nhận bàn giao tích lũy tài chính	46			
Tổng cộng thu				-	
II. PHẦN CHI					
1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng theo lương	27		-	
2	Quản lý hành chính	29		-	
3	Chi hoạt động:	31		-	
	Trong đó: - Đào tạo cán bộ	31.01			
	- Trợ cấp	31.02			
	- Hỗ trợ tham quan du lịch	31.03			
Cộng chi				-	
4	Kinh phí đã nộp cấp quản lý trực tiếp	37			
5	Bàn giao tích lũy tài chính	47			
Tổng cộng chi				-	
III. Tích lũy tài chính cuối kỳ		48		-	
IV. Kinh phí phải nộp cấp trên quản lý trực tiếp		49			

C- THUYẾT MINH

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

Ngày tháng 01 năm 2020

TM. BAN CHẤP HÀNH

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG ĐOÀN:.....

6 tháng cuối năm 2019

ĐVT: Đồng

[illegible]

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)